jiào huáng

# 教皇

noun · Pope

## Example Sentences

jiào huáng zài fàn dì gāng zhǔ chí le shèng dà de yí shì
教 皇 在梵蒂 冈 主持了 盛 大的仪式。

The Pope presided over a grand ceremony in Vatican City.

xǔ duō xìn tú qián wǎng luó mǎ cháo jiàn jiào huáng
许多信徒前 往 罗马 朝 见教 皇 。

Many believers went to Rome to pay homage to the Pope.

Trace each character, then write the word on your own.

教 教 教 教 教 教 教 教 教 教 教
教 教 教

皇 皇 皇 皇 皇 皇 皇 皇 皇 皇 皇
皇